

## Danh mục thông tin cung cấp cho công dân thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Quy chế công khai và cung cấp thông tin cho công dân thuộc phạm vi chức năng của Bộ TN&MT kèm theo Quyết định số 2109/QĐ-BTNMT và các quy định pháp luật liên quan, Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT công khai Danh mục thông tin cung cấp cho công dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các link dưới đây:

| STT      | Mục/Chuyên mục/Chuyển trang                                   | Đơn vị chịu trách nhiệm cung cấp thông tin | Đơn vị chịu trách nhiệm đăng tải thông tin | Căn cứ                                                                                                                                                           |
|----------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b><a href="#">Giới thiệu</a></b>                             | Vụ TCCB                                    | Văn phòng Bộ                               | Luật tiếp cận thông tin<br>Nghị định 42/2022/NĐ-CP                                                                                                               |
| 1.1      | <a href="#">Lãnh đạo Bộ</a>                                   |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 1.2      | <a href="#">Chức năng nhiệm vụ</a>                            |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 1.3      | <a href="#">Cơ cấu tổ chức</a>                                |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 1.4      | <a href="#">Quá trình phát triển</a>                          |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 1.5      | Danh bạ các đơn vị<br>(đang cập nhật theo cơ cấu tổ chức mới) |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 1.6      | <a href="#">Liên hệ</a>                                       |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| <b>2</b> | <b><a href="#">Tin tức sự kiện</a></b>                        |                                            |                                            | Khoản 1 Điều 10<br>Nghị định 42/2022/NĐ-CP                                                                                                                       |
| <b>3</b> | <b><a href="#">Giới thiệu văn bản mới</a></b>                 |                                            |                                            |                                                                                                                                                                  |
| 3.1      | <a href="#">Văn bản chỉ đạo điều hành</a>                     | Văn phòng Bộ                               | Văn phòng Bộ                               | Điểm b, c, d khoản 1<br>Điều 10 Nghị định<br>42/2022/NĐ-CP                                                                                                       |
| 3.2      | <a href="#">Văn bản quy phạm pháp luật</a>                    | Văn phòng Bộ                               | Văn phòng Bộ                               | Luật Ban hành VBQPPL<br>Điểm a khoản 1 Điều 19<br>Luật tiếp cận thông tin<br>Điểm e khoản 1 Điều 10<br>Nghị định 42/2022/NĐ-CP<br>Quyết định số<br>2109/QĐ-BTNMT |
| <b>5</b> | <b><a href="#">Trang tin Bộ trưởng</a></b>                    | Văn phòng Bộ<br>Báo TN&MT                  | Văn phòng Bộ                               | Điểm b, c, d khoản 1<br>Điều 10 Nghị định<br>42/2022/NĐ-CP                                                                                                       |
| <b>6</b> | <b><a href="#">Thông báo</a></b>                              | Các đơn vị                                 | Văn phòng Bộ                               |                                                                                                                                                                  |
| <b>7</b> | <b><a href="#">Xây dựng chính sách, pháp luật TNMT</a></b>    | Vụ Pháp chế                                | Văn phòng Bộ                               | Điểm a khoản 1 Điều 19<br>Luật tiếp cận thông tin                                                                                                                |

|      |                                                                                                                                                              |                                                                       |                                   |                                                                                    |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                                                                              |                                                                       |                                   | Điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                                     |
| 8    | <a href="#">Hệ thống tương tác giữa Bộ với các Sở TN&amp;MT</a>                                                                                              | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT                                     | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT | Điểm b, c, d khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                               |
| 9    | <a href="#">Hệ thống họp trực tuyến</a>                                                                                                                      | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT                                     | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT | Điểm b, c, d khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP<br>(cập nhật khi có lịch họp) |
| 10   | <b>Hỗ trợ tiếp cận thông tin</b>                                                                                                                             |                                                                       |                                   |                                                                                    |
| 10.1 | <a href="#">Văn bản quy phạm pháp luật</a>                                                                                                                   | Văn phòng Bộ                                                          | Văn phòng Bộ                      | Luật Ban hành VBQPPL<br>Điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP             |
|      | <a href="#">Dự thảo VBQPPL</a>                                                                                                                               | Đơn vị chủ trì xây dựng văn bản                                       | Văn phòng Bộ                      | Luật Ban hành VBQPPL<br>Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                            |
|      | <a href="#">Thủ tục hành chính</a>                                                                                                                           | Đơn vị chủ trì trình công bố TTHC                                     | Văn phòng Bộ                      |                                                                                    |
| 10.2 | <a href="#">Thông tin phổ biến, hướng dẫn, thực hiện luật, chế độ chính sách đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ TN&amp;MT</a>                 | Đơn vị chủ trì xây dựng, hướng dẫn, thực hiện luật, chế độ chính sách | Văn phòng Bộ                      | Xem thêm tại Mục tin tức sự kiện                                                   |
| 10.3 | <a href="#">Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực TN&amp;MT và phương thức, kết quả thực hiện</a> | Vụ KH-TC                                                              | Văn phòng Bộ                      | Điểm đ khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                                     |
| 10.4 | <a href="#">Thông tin về Danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vay</a>   | Vụ KH-TC                                                              | Văn phòng Bộ                      | Điểm h khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                                     |
| 10.5 | <a href="#">Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc</a>                              | Vụ TCCB                                                               | Văn phòng Bộ                      | Điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định 42/2022/NĐ-CP                                     |

|       |                                                                                                                                                                                                                                  |                                          |              |                                                                       |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 10.6  | <a href="#">Báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực</a>                                                                                                                                                     | Vụ KH-TC                                 | Vụ KH-TC     | Điều 12 Nghị định 42/2022/NĐ-CP                                       |
| 10.7  | <a href="#">Thông tin đấu thầu</a>                                                                                                                                                                                               | Các đơn vị                               | Văn phòng Bộ | Cập nhật tin tức tại Mục Thông báo                                    |
| 10.8  | <a href="#">Công khai ngân sách</a>                                                                                                                                                                                              | Các đơn vị                               | Văn phòng Bộ | Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018                             |
| 10.9  | <a href="#">Thông tin tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ công chức, viên chức</a>                                                                                                                                               | Vụ TCCB                                  | Văn phòng Bộ | Điều 12 Nghị định 42/2022/NĐ-CP<br>Cập nhật tin tức tại Mục Thông báo |
| 10.10 | <a href="#">Thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài KH&amp;CN</a>                                                                                                                                                  | Vụ KH&CN                                 | Vụ KH&CN     | Điều 11 Nghị định 42/2022/NĐ-CP                                       |
| 10.11 | <a href="#">Các thông tin khác theo quy định pháp luật</a>                                                                                                                                                                       | Các đơn vị                               | Văn phòng Bộ |                                                                       |
| 10.12 | <b><a href="#">Danh mục thông tin công khai theo lĩnh vực quản lý chuyên ngành</a></b>                                                                                                                                           |                                          |              |                                                                       |
| (1)   | <a href="#">Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất (nội dung lấy ý kiến dự thảo và Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt)</a>                                                               | Tổng cục QLDD                            | Văn phòng Bộ | Điểm a Khoản 2 Điều 43, Điều 48 Luật Đất đai                          |
| (2)   | <a href="#">Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia</a>                                                                                                       | Tổng cục QLDD                            | Văn phòng Bộ | Khoản 2 Điều 8 Nghị định 43/2014/NĐ-CP                                |
| (3)   | <a href="#">Nội dung công bố về tình trạng vi phạm pháp luật đất đai và kết quả xử lý vi phạm pháp luật đất đai</a>                                                                                                              | Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai | Văn phòng Bộ | Điểm b Khoản 3 Điều 14 Nghị định 43/2014/NĐ-CP                        |
| (4)   | <a href="#">Các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; các dự án được gia hạn; các dự án chậm tiến độ sử dụng</a> | Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai | Văn phòng Bộ | Khoản 3 Điều 15 Nghị định 43/2014/NĐ-CP                               |

|      |                                                                                                                                                                                            |                                             |              |                                                                                                                               |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | <a href="#">đất vì lý do bất khả kháng</a>                                                                                                                                                 |                                             |              |                                                                                                                               |
| (5)  | Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước (trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Chính phủ phê duyệt)                                                                            | Cục Bảo tồn đa dạng sinh học                | Văn phòng Bộ | Điều 11 Luật Đa dạng sinh học                                                                                                 |
| (6)  | <a href="#">Danh mục ngoại lai xâm hại, thông tin về khu vực phân bố, mức độ xâm hại của loài ngoại lai xâm hại</a>                                                                        | Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học | Văn phòng Bộ | Khoản 1 Điều 54 Luật Đa dạng sinh học                                                                                         |
| (7)  | <a href="#">Cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn gen</a>                                                                                                                                        | Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học |              | Khoản 4 Điều 20 Nghị định 65/2010/NĐ-CP                                                                                       |
| (8)  | <a href="#">Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</a> | Vụ Môi trường                               | Văn phòng Bộ | Khoản 1 Điều 131 Luật BVMT 2014;<br>Khoản 2 Điều 38 Luật BVMT 2020                                                            |
| (9)  | <a href="#">Giấy phép môi trường, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.</a>                                                        | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường            | Văn phòng Bộ | Khoản 2 Điều 48 Luật BVMT 2020                                                                                                |
| (10) | <a href="#">Báo cáo chuyên đề về hiện trạng môi trường quốc gia</a>                                                                                                                        | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường            | Văn phòng Bộ | Khoản 1 Điều 131 Luật BVMT 2014<br>Điểm b Khoản 4 Điều 120 Luật BVMT 2020<br>Điểm a Khoản 2 Điều 13 Thông tư 43/2015/TT-BTNMT |
| (11) | <a href="#">Cập nhật, công bố Danh mục số quan trắc môi trường quốc gia</a>                                                                                                                | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường            | Văn phòng Bộ | Khoản 3 Điều 24 Thông tư 43/2015/TT-BTNMT                                                                                     |
| (12) | <a href="#">Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu vi phạm đến mức bị tước quyền sử dụng Giấy xác nhận hoặc bị đình chỉ hoạt động</a>                                                         | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường            | Văn phòng Bộ | Khoản 30 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (bổ sung Điều 56b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP)                                             |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                  |              |                                                                                                            |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (13) | <a href="#">Danh sách các tổ chức được chứng nhận đánh giá sự phù hợp, chứng nhận đã đăng ký hoặc thừa nhận, chứng nhận, giám định được chỉ định để đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với phế liệu nhập khẩu; danh sách các tổ chức, cá nhân được cấp, cấp lại, thu hồi giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; danh sách các tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu vi phạm về bảo vệ môi trường</a> | Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường | Văn phòng Bộ | Khoản 35 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP (bổ sung Điều 61 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP                            |
| (14) | <a href="#">Danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá; Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản hàng năm sau khi được phê duyệt</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cục KSVN                         | Văn phòng Bộ | Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>        |
| (15) | <a href="#">Thông báo, công khai thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản sau khi Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cục KSVN                         | Văn phòng Bộ | Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>        |
| (16) | <a href="#">Công khai Danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá trước khi tiến hành phiên đấu giá</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cục KSVN                         | Văn phòng Bộ | Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>        |
| (17) | <a href="#">Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cục KSVN                         | Văn phòng Bộ | Điều 23 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>                |
| (18) | <a href="#">Công khai nội dung thuyết minh Quy hoạch khoáng sản (thông tin đang cập nhật)</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cục KSVN                         | Văn phòng Bộ | Điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>(Hiện Chính phủ đang thẩm định Quy hoạch thăm</i> |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |              |                                                                                                                                                                                                         |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |          |              | <i>dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)</i>                                                                                                     |
| (19) | Công khai nội dung Quy hoạch khoáng sản (trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày Quy hoạch được phê duyệt)<br><i>(thông tin đang cập nhật)</i>                                                                                                                                                              | Cục KSVN | Văn phòng Bộ | Điểm a Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>(Hiện Chính phủ đang thẩm định Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050)</i> |
| (20) | <u>Khoanh định, công bố loại khoáng sản, vị trí, toạ độ, diện tích thuộc đề án điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thuộc diện khuyến khích tham gia đầu tư bằng vốn của tổ chức, cá nhân theo quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt</u>                     | Cục KSVN | Văn phòng Bộ | Điểm a Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>                                                                                             |
| (21) | <u>Công khai Danh sách khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian 07 ngày kể từ ngày được Bộ TN&amp;MT phê duyệt</u>                                                                                                                                                                      | Cục KSVN | Văn phòng Bộ | Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>                                                                                                    |
| (22) | <u>Công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản (Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên)</u> | Cục KSVN | Văn phòng Bộ | Điểm a Khoản 1 Điều 58 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i>                                                                                             |

|      |                                                                                                                                                                 |                                                                                                         |              |                                                                                                                |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (23) | <a href="#">Công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn để cấp phép thăm dò khoáng sản</a>                                                                     | Cục KSVN                                                                                                | Văn phòng Bộ | Điểm c Khoản 1 Điều 58<br>Nghị định số 158/2016/NĐ-CP<br><i>Cập nhật Thông báo công khai trên Cổng TTĐT Bộ</i> |
| (24) | Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ (giai đoạn lấy ý kiến xây dựng và sau khi được phê duyệt)<br><i>(thông tin đang cập nhật)</i> | Cục Biển và hải đảo VN                                                                                  | Văn phòng Bộ | Điều 30 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                            |
| (25) | Chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ (giai đoạn lấy ý kiến xây dựng và sau khi được phê duyệt)<br><i>(thông tin đang cập nhật)</i>                  | Cục Biển và hải đảo VN                                                                                  | Văn phòng Bộ | Điều 37 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                            |
| (26) | <a href="#">Kết quả đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo</a>                                                                         | Cục Biển và hải đảo VN                                                                                  | Văn phòng Bộ | Khoản 2 Điều 50 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                    |
| (27) | <a href="#">Thông tin về tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ</a>                       | Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam                                                                           | Văn phòng Bộ | Khoản 1 Điều 54 Luật Đo đạc và bản đồ                                                                          |
| 11   | <a href="#">Hệ thống tiếp nhận và trả lời ý kiến công dân</a>                                                                                                   | Trách nhiệm cung cấp thông tin của các đơn vị theo phân công và phân quyền xử lý trên hệ thống phần mềm |              | Điểm 1 khoản 1 Điều 10<br>Nghị định số 43/2011/NĐ-CP<br>Quyết định 2109/QĐ-BTNMT                               |
| 12   | <a href="#">Đường dây nóng</a>                                                                                                                                  | Các đơn vị đầu mối đường dây nóng                                                                       | Văn phòng Bộ | Điểm b, c, d khoản 1 Điều 10 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                                                           |
| 13   | <a href="#">Cải cách hành chính</a>                                                                                                                             | Vụ TCCB                                                                                                 | Vụ TCCB      |                                                                                                                |
| 14   | <a href="#">Dịch vụ công trực tuyến</a>                                                                                                                         | Trách nhiệm cung cấp thông tin của các đơn vị theo phân công và phân quyền xử lý trên hệ thống phần mềm |              | Điều 18 Nghị định 43/2011/NĐ-CP<br>Thông tư số 07/2017/TT-BTNMT ngày 29/5/2017                                 |
| 14.1 | <a href="#">Danh mục thủ tục hành chính TNMT</a>                                                                                                                |                                                                                                         |              |                                                                                                                |
| 14.2 | <a href="#">Công khai kết quả giải quyết TTHC</a>                                                                                                               |                                                                                                         |              |                                                                                                                |



|    |                                                                            |                                            |                                   |                                                                                            |
|----|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | <a href="#"><u>Góp ý VBQPPL</u></a>                                        | Các đơn vị chủ trì xây dựng VBQPPL         | Văn phòng Bộ                      | Luật Ban hành VBQPPL<br>Điểm e khoản 1 Điều 10<br>Nghị định 43/2011/NĐ-CP                  |
| 16 | <a href="#"><u>Lịch tiếp công dân</u></a>                                  | Thanh tra Bộ                               | Văn phòng Bộ                      | Điểm c khoản 1 Điều 39<br>Luật Thanh tra                                                   |
| 17 | <a href="#"><u>Thông tin kết luận thanh tra các lĩnh vực TN&amp;MT</u></a> |                                            |                                   |                                                                                            |
| 18 | <a href="#"><u>Thông tin khoa học và công nghệ</u></a>                     | Vụ KH&CN                                   | Vụ KH&CN                          | Điều 11 Nghị định 43/2011/NĐ-CP                                                            |
| 19 | <a href="#"><u>Cơ sở dữ liệu TN&amp;MT</u></a>                             | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT          | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT | Nghị định 73/2017/NĐ-CP<br>Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT                                    |
| 20 | <a href="#"><u>Lịch công tác</u></a>                                       | Văn phòng Bộ                               | Văn phòng Bộ                      |                                                                                            |
| 21 | <a href="#"><u>Trang Tiếng Anh</u></a>                                     | Báo TN&MT                                  | Báo TN&MT                         | Điều 13 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP                                                         |
| 22 | <a href="#"><u>Chuyên trang tuyên truyền sự kiện</u></a>                   | Các đơn vị có nhu cầu tuyên truyền sự kiện | Văn phòng Bộ                      |                                                                                            |
| 23 | <a href="#"><u>Trang/Cổng thông tin điện tử các đơn vị</u></a>             | Các đơn vị                                 | Cục Chuyển đổi số và Dữ liệu TNMT | Cập nhật tại <a href="#"><u>Bộ Tài nguyên và Môi trường - Trang chủ (monre.gov.vn)</u></a> |